

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15-7-2022  
“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Văn Len  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Hiện
2. Ông Văn Công Trọn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tiêu Ngọc H, Sinh năm: 1990 (xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, Sinh năm: 1982 (có mặt)

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh C

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Tiêu Ngọc H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Vợ chồng có hai người con chung: Cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/2012, cháu Nguyễn Tú N, sinh ngày 13/5/2016 hiện tại cháu K, cháu N đang sống với chị.

*Nguyên nhân mâu thuẫn:* Trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị không còn tình cảm với anh Q, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về con chung:* Chị yêu cầu được nuôi hai con chung cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/2012, cháu Nguyễn Tú N, sinh ngày 13/5/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

*Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu chị H phải có mặt tại phiên tòa anh mới đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị H và anh ly hôn thì về con chung anh đồng ý giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Tiêu Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Q, anh Q có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc “*Ly hôn, nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Vắng mặt đương sự:* Chị Tiêu Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị Tiêu Ngọc H và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/2011 ngày 11/3/2011, do đó hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị yêu cầu được ly hôn với anh Q, anh Q xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh yêu cầu chị H có mặt tại phiên tòa anh mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó; mặt khác chị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị, điều đó cho thấy các đương sự không có thiện chí để hòa giải mối quan hệ vợ chồng, như vậy mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của chị H xin ly hôn với anh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Xét về con chung, cấp dưỡng:* Chị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/2012, cháu Nguyễn Tú N, sinh ngày 13/5/2016. Theo văn bản trình bày ý kiến của cháu K khi cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu K, cháu N đang sống với chị H, theo anh Q xác định trường hợp Tòa án cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao cháu K và cháu N cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu K, cháu N cũng như đảm bảo phát triển tốt nhất về mặt tâm sinh lý của đứa trẻ cần tiếp tục giao cháu K, cháu Ngọc cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung,

không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này và anh Q tôn trọng quyền của cháu K, cháu N được sống với chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Xét về tài sản chung, nợ chung:* Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Xét về án phí:* Chị H là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của chị Tiêu Ngọc H về việc yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/10/2012, cháu Nguyễn Tú N, sinh ngày 13/5/2016 cho chị Tiêu Ngọc H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này và anh Q tôn trọng quyền của cháu K, cháu N được sống với chị H.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Tiêu Ngọc H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000 đồng theo biên lai số 0004724 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

3. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tiêu Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Len**

